

PHỤ LỤC II
DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2) KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LÀM VIỆC TẠI CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ; UBND XÃ,
PHƯỜNG THUỘC UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (ĐỢT 1 NĂM 2026)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 956/QĐ-HĐTD ngày 27/5/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND xã, phường thuộc UBND thành phố Hà Nội (đợt 1 năm 2026))

I. Nhóm chuyên ngành Văn phòng (Mã: VP)

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 20, 39, 40.
2. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
3. Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, gồm các Điều: 4, 21.
4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đợt phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I, II.
5. Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, gồm: Phần II, Mục 1; Phần II, Mục 2; Phần III, các Mục 1, 3, 5, 7, 9; Phần IV, các Mục 1, 5, 8.
6. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025, gồm các Điều: 3, 4.
7. Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 về Quy chế làm việc của UBND Thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 27, 39, 40, 41, 42.
8. Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3 (riêng Điều 2 tập trung các nhiệm vụ: tham mưu chương trình công tác; phục vụ họp UBND; ban hành thông báo kết luận; theo dõi, đôn đốc; tổng hợp báo cáo; xử lý kiến nghị cử tri; chuyển đổi số, cải tiến phương thức làm việc).
9. Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND thành phố Hà Nội. *(Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển).*

II. Nhóm chuyên ngành Môi trường (Mã: MT-NN)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 164, 168.
3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 56, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72.
4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm các Điều: 26, 27, 28.
5. Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
6. Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.
7. Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

III. Nhóm chuyên ngành Xây dựng (Mã: XD)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, gồm Mục II, III (III.1, III.2).
3. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, gồm các Điều: 16, 17, 18, 19, 20, 23, 24, 25, 32, 33, 35, 39, 40.
4. Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, gồm các Điều: 27, 29, 75, 80.
5. Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, gồm các Điều: 22, 23.
6. Quyết định 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 18.
7. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 11, 12; khoản 3 Điều 15;

8. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội, tại Phụ lục số 03.

9. Quyết định số 2461/QĐ-SXD ngày 09/10/2025 của Sở Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng Tài chính – Đầu tư thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 2491/QĐ-SXD ngày 15/10/2025 của Sở Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng Phát triển đô thị thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

IV. Nhóm chuyên ngành công nghệ thông tin (Mã: CNTT-KHCN)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.

2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I, II.

3. Luật Dữ liệu năm 2024 số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024, gồm các Điều: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28.

4. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 số 134/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 7, 17, 27, 30.

5. Luật Chuyển đổi số năm 2025 số 148/2025/QH15, gồm các Điều: 15, 31, 40, 41.

6. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 số 20/2023/QH15, gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11, 22, 23.

7. Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01/7/2025 ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, phần Phụ lục.

8. Quyết định số 254/QĐ-SKHCN ngày 24/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Kinh tế số và Xã hội số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

V. Nhóm chuyên ngành Khoa học công nghệ (Mã: KHCN-KHCN)

1. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 số 93/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 5, 6, 7, 14, 21, 25, 28, 71 (khoản 7).

2. Luật Sở hữu trí tuệ (Văn bản hợp nhất: 155/VBHN-VPQH ngày 09/9/2025 của Văn phòng Quốc hội), gồm các Chương: VII (mục 1, 4, 6); IX (mục 1); X (mục 2, 3); XI.

3. Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm các Điều: 3, 4, 6, 7.

4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gồm các mục: I; II.

5. Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, gồm Mục III.

6. Quyết định số 259/QĐ-SKHCN ngày 26/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 42/QĐ-CNCCN ngày 14/3/2025 của Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Khoa học và Công nghệ thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VI. Nhóm chuyên ngành Dược (Mã: DUOC-YT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.

2. Văn bản hợp nhất số 76/VBHN-VPQH ngày 25/3/2026 hợp nhất Luật Dược, gồm các Điều: 4, 29, 108, 112.

3. Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược, gồm các Chương: II, III.

4. Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BYT ngày 28/7/2025 của Bộ Y tế hợp nhất Thông tư quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

5. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BYT ngày 28/7/2025 của Bộ Y tế hợp nhất Thông tư quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

6. Quyết định số 2258/QĐ-SYT ngày 28/10/2025 của Sở Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng và tương đương thuộc Sở Y tế thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VII. Nhóm chuyên ngành Quy hoạch kiến trúc (Mã: QHKT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025, gồm các Điều: 5, 17, 18, 43, 47.
3. Luật quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 20, 21, 23.
4. Luật kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019, gồm các Điều: 10, 11, 13, 14.
5. Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009, gồm các Điều: 37, 38.
6. Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-VPQH ngày 13/3/2026 của Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, gồm các Điều: 1, 2, 7, 8, 14, 15, 17, 21, 25, 26, 38, 39, 40, 41, 45, 46, 47, 48, 50, 55.
7. Quyết định số 2840/QĐ-QHKT ngày 05/5/2026 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội; Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

VIII. Nhóm chuyên ngành Công thương (Mã: CT)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 Chính phủ, gồm các Điều: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 13.
3. Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND Thành phố về ban hành “ Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 14, 18, 20, 22, 24.
4. Luật thương mại năm 2005 số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23.
5. Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các Điều: 1, 2, 13, 14, 15, 16, 17.
6. Nghị định 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính Phủ về phát triển và quản lý chợ, gồm các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.
7. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

IX. Nhóm chuyên ngành Kế hoạch (Mã: KH)

1. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
2. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025, gồm các Điều: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37.
3. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, gồm các Điều: 4, 5, 6, 9, 10, 11, 18, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 34, 37, 38, 44, 49, 57.
4. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, gồm các Điều: 2, 4, 10, 15, 16, 34, 35, 46, 47, 48, 63 (*có sửa đổi, bổ sung tại Luật 57/2024/QH15 ngày về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*).
5. Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, gồm các Điều: 35, 36, 37, 38, 39, 43, 47, 49, 51, 52, 54.
6. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 1, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 28, 31, 32.
7. Quyết định số 40/QĐ-CNCCN ngày 14/3/2025 của Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Hợp tác và Đầu tư thuộc Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

X. Nhóm chuyên ngành Nội vụ (Mã: NV)

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, gồm các Điều: 4, 7, 25, 56, 39, 40.
2. Luật Cán bộ công chức số 80/2025/QH15, gồm các Điều: 1, 2, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 36.
3. Luật Viên chức số 129/2025/QH15, gồm các Điều: 3, 39, 40.
4. Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/Q Đ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Mục I, Mục II.
5. Nghị định 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính, gồm các Điều: 10, 11, 13, 14.
6. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, gồm các Điều: 11, 12; khoản 3 Điều 15;

7. Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành mẫu Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Thí sinh nghiên cứu, hiểu về vị trí việc làm, nhiệm vụ của phòng chuyên môn đăng ký dự tuyển*).

Chú ý: Tài liệu quy định chức năng, nhiệm vụ phòng thuộc cơ quan, đơn vị dự tuyển xem tại link

[https://drive.google.com/drive/folders/1DQI0s4-A3yxVVzTcYUWWSG9qstODV-k5?usp=drive link](https://drive.google.com/drive/folders/1DQI0s4-A3yxVVzTcYUWWSG9qstODV-k5?usp=drive_link)

Hoặc quét mã QR sau:

